

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Tài chính
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Sở Tài chính (Theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

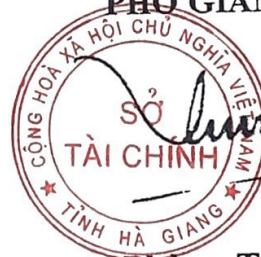
Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán văn phòng căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- P.Tài chính HCSN;
- P. NS&TH (đăng trang thông tin);
- Lưu VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phùng Thị Hoa

Đơn vị: Sở Tài chính

Chương: 418

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-STC ngày 12/01/2024 của Sở Tài chính)

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán được giao
A	Nguồn ngân sách nhà nước	12.565.000.000
I	Chi quản lý hành chính	12.565.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.218.000.000
1.1	Văn phòng Sở	9.863.000.000
6000	Chi tiền lương	4.431.618.000
6050	Tiền công trả cho vị trí LCTX theo hợp đồng	207.144.000
6100	Chi phụ cấp lương	2.078.380.500
6200	Khen thưởng	70.000.000
6250	Chi Phúc lợi tập thể	594.000.000
6300	Chi các khoản đóng góp	1.093.987.500
6400	Thanh toán cho cá nhân	284.420.000
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	260.320.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	340.000.000
6600	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc	51.400.000
6650	Hội nghị	10.000.000
6700	Chi tiền công tác phí	82.000.000
6750	Chi thuê mướn	126.000.000
6900	Chi sửa chữa thường xuyên	80.000.000
7750	Các khoản chi khác	103.730.000
7900	Chi cho các sự kiện lớn	50.000.000
1.2	Trung tâm Dịch vụ tài chính	355.000.000
6000	Chi tiền lương	211.302.000
6100	Chi phụ cấp lương	28.080.000
6250	Chi Phúc lợi tập thể	27.600.000
6300	Chi các khoản đóng góp	52.193.000
6400	Thanh toán cho cá nhân	1.200.000
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	10.800.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	3.600.000
6600	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc	1.800.000
7750	Các khoản chi khác	18.425.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.347.000.000
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.347.000.000
6200	Kinh phí trích lại qua công tác thanh tra	200.000.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	50.000.000
6650	Hội nghị	20.000.000
6700	Hoạt động đồng chí ủy viên BCH	100.000.000
6750	Chi thuê mướn	30.000.000
6900	Sửa chữa xe ô tô	400.000.000
7000	Trang phục ngành	20.000.000
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	237.000.000
7750	Thẩm định giá MSTT	40.000.000
7750	Chi khác	250.000.000
2.2	Kinh phí đào tạo tập huấn	1.000.000.000
6650	Chi hội nghị tập huấn	154.000.000
6750	Thuê dịch vụ tập huấn	800.000.000
6750	Thuê tư vấn lựa chọn nhà thầu	45.000.000
7750	Chi khác	1.000.000

Đơn vị: Sở Tài chính

Chương: 418

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-STC ngày 12/01/2024 của Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán được giao
A	Nguồn ngân sách nhà nước	1.450.000.000
I	Chi quản lý hành chính	1.450.000.000
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.450.000.000
1.1	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	50.000.000
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	10.000.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	15.000.000
6700	Chi tiền công tác phí	25.000.000
1.2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	100.000.000
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	20.000.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	30.000.000
6700	Chi tiền công tác phí	50.000.000
1.3	Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	1.300.000.000
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	20.000.000
6550	Chi mua vật tư văn phòng	30.000.000
6700	Chi tiền công tác phí	50.000.000
6650	Hội nghị tập huấn thực hiện chương trình	180.000.000
6750	Thuê dịch vụ tập huấn (bao gồm chi phí lựa chọn nhà thầu)	1.020.000.000